

Bản án số: 79/2023/DS-PT

Ngày 08 – 8 – 2023.

“V/v yêu cầu chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Ông Hồ Ngọc Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Kiên – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 / 8 /2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về “Yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Do có kháng cáo của ông Hoàng Đức C là bị đơn đối với bản Dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35 /2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1976

Trú tại: Phường L, TPV, tỉnh N, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Ông Hoàng Đức C, sinh năm: 1973

Trú tại: Đường P, phường L, TPV, , tỉnh Nghệ An. Có mặt

Địa chỉ liên lạc: tổ 2, ấp Suối Đá, xã D, huyện P, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: đường T, phường L, TPV, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Tuấn V, sinh năm: 1996

Địa chỉ: khối 12, phường L, thành phố V, tỉnh N. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: đường T, phường L, TPV, tỉnh Nghệ An. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/6/2021, , bản án Dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Bố mẹ của bà L là cụ Hoàng Đức P (chết ngày 27/6/2017) và cụ Lê Thị M (chết năm 2015), quá trình chung sống sinh được 03 người con là: ông Hoàng Đức Phong, sinh năm 1971 (đã chết ngày 26/5/2002); ông Hoàng Đức C, sinh năm 1973 và bà là Hoàng Thị L, sinh năm 1976. Cụ P và cụ M không nhận con nuôi và cũng không ai có con riêng. Ông P1 có vợ là Phạm Thị C, sinh năm 1971 (đã ly hôn năm 1997). Ông P1 có 01 con trai là Hoàng Tuấn V, sinh năm 1996, ngoài ra ông P1 cũng không nhận con nuôi và không có con riêng.

Di sản cụ P và cụ M để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M). Cụ P và cụ M chết không để lại di chúc, do anh em không thỏa thuận được với nhau về việc chia di sản thừa kế nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra bà L không yêu cầu giải quyết đối với di sản nào khác của cụ P và cụ M.

Đối với tài sản trên thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 là 01 ngôi nhà 02 tầng thì bà L cho rằng: đó là tài sản của cụ P và cụ M; nguồn gốc ngôi nhà là vào năm 2005, ông C đã bỏ một số tiền xây căn nhà trên cho bố mẹ ở, cụ P và cụ M có góp tiền vào nhưng góp bao nhiêu thì bà không biết, vì bà không liên quan đến tài sản này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia ngôi nhà trên đất. Từ khi cụ P và cụ M chết đến nay thì tài sản này do ông C quản lý, thỉnh thoảng vào ngày rằm, mùng 1, giỗ chạp thì ông C hoặc vợ con ông C về thắp hương. Ông C có nhà riêng tại số 63, đường Nguyễn T, thành phố V, tỉnh N nên không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại

ngôi nhà này, cháu Hoàng Tuấn V thỉnh thoảng nghỉ học cũng về đó ở. Bà L và các con cũng có nhà riêng tại Phường L, TPV, tỉnh N, tỉnh Nghệ An.

Bà L công nhận vào ngày 12/5/2017, 04 người gồm: cụ Hoàng Đức P, ông Hoàng Đức C, bà Hoàng Thị L và cháu Hoàng Tuấn V đã lập Biên bản họp gia đình thống nhất phân chia tài sản như sau: chia cho ông C ngôi nhà 02 tầng và phần đất gắn liền với ngôi nhà cùng khoảng sân phía trước để làm nơi thờ cúng; chia cho bà L và cháu Vũ mỗi người được diện tích 65m² đất phía sau. Văn bản này chưa được công chứng, chứng thực và cũng chưa được chính quyền địa phương xác nhận, hiện bà L đã làm mất, thất lạc đi đâu không biết nên không có để giao nộp cho Tòa án. Bà L cho rằng đây không phải là di chúc như ông C trình bày vì lúc đó cụ P đang ốm nặng, văn bản này lập không có chữ ký của bác sỹ điều trị cho cụ P, mặt khác cũng không có văn bản ủy quyền của cụ M cho phép cụ P được quyền định đoạt phần di sản của cụ M.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày không có nguyện vọng được tiếp tục thực hiện thỏa thuận về phân chia di sản của các bên tại Biên bản họp gia đình ngày 12/5/2017 nêu trên, bà L cũng không đồng ý để lại một phần di sản làm nơi thờ cúng như đề nghị của ông Hoàng Đức C và anh Hoàng Tuấn V mà yêu cầu chia thừa kế toàn bộ di sản là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho 3 người gồm: ông C, bà L và cháu Vũ. Bà L yêu cầu được nhận 1/3 di sản thừa kế là quyền sử dụng 118,66m² đất, vị trí bám mặt đường Phan Văn và lấy phần giữa. Bà L cho rằng vì bà không yêu cầu chia tài sản trên đất nên việc bà yêu cầu được chia phần giữa đất có ảnh hưởng gì đến tài sản là nhà trên đất hay không thì bà không quan tâm.

Đối với yêu cầu của ông Hoàng Đức C về việc yêu cầu bà trả lại số tiền 110.000.000 đồng thì bà trình bày: Vào năm 2020, vì cần tiền trang trải chi phí học tập cho con nên bà có đồng ý nhượng lại phần di sản của mình cho ông C với giá 500.000.000 đồng, ông C đã giao cho bà số tiền 110.000.000 đồng, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên các bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng nữa. Đến nay, di sản của cụ P và cụ M chưa được phân chia, các bên cũng chưa thực hiện thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình lập ngày 12/5/2017. Vì vậy bà L đồng ý trả lại cho ông C số tiền 110.000.000 đồng.

Bà L yêu cầu ông Hoàng Đức C và anh Hoàng Tuấn V mỗi người phải trả lại cho bà 1/3 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là số tiền 1.000.000 đồng bà đã nộp đủ trong quá trình giải quyết vụ án. Số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng chi phí còn thừa bà đã được nhận lại nên không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Hoàng Đức C có mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: bố mẹ của ông là cụ Hoàng Đức P (chết năm 2017) và cụ Lê Thị M (chết năm 2015), những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P và cụ M gồm ông Hoàng Đức C, bà Hoàng Thị L và cháu Hoàng Tuấn V. Cụ P, cụ M và ông P1 không ai có con riêng cũng không ai nhận con nuôi.

Di sản cụ P và cụ M để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M).

Tài sản 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất là do ông C bỏ tiền ra xây vào năm 2005 cho bố mẹ ở. Từ khi cụ P và cụ M chết đến nay thì tài sản này do ông C quản lý, thỉnh thoảng vào ngày rằm, mùng 1, giỗ chạp thì về thắp hương chứ không thường xuyên sinh sống ở ngôi nhà này, cháu Hoàng Tuấn V thỉnh thoảng nghỉ học cũng về đó ở. Vì vậy bà L không yêu cầu chia nhà trên đất là đúng. Việc bà L chỉ yêu cầu chia di sản là Quyền sử dụng đất ông cũng không có ý kiến gì.

Ông C cũng trình bày: Cụ M và ông Phụng chết không để lại di chúc. Trước khi mất thì cụ P có lập Văn bản phân chia thừa kế với nội dung: giao cho ông C phần đất và toàn bộ nhà trên đất phía trước khoảng hơn 220m² để làm nơi thờ cúng; phần đất phía sau dài 13m và rộng 10m được chia đôi cho bà Hoàng Thị L và cháu Hoàng Tuấn V. Di chúc được lập thành 3 bản, có chữ ký đầy đủ của 04 người là cụ P, ông C, bà L, cháu Vũ và hiện đang do bà L giữ, ông không giữ. Tuy nhiên văn bản này chưa được công chứng chứng thực theo quy định. Vào khoảng năm 2020, bà L đã đồng ý chuyển nhượng cho ông C quyền sử dụng phần diện tích đất mà bà L được chia với giá 500.000.000 đồng và đã nhận của ông C số tiền 110.000.000 đồng, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên các bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng nữa. Ông C thừa nhận đến nay di sản của cụ P và cụ M chưa được phân chia, bà L không có nguyện vọng tiếp tục thực hiện thỏa thuận trên nên ông yêu cầu bà L phải trả lại cho ông số tiền 110.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông C có ý kiến như sau: ông đồng ý chia một phần di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho bà Hoàng Thị L và cháu Hoàng Tuấn V, cụ thể là giao cho bà L và cháu Vũ mỗi người được 65m² đất tính từ mép ngoài bếp phụ ra phía sau thửa đất đúng như thỏa thuận của các bên khi cụ P còn sống và giao cho ông C phần diện tích đất phía trước có căn nhà để làm nhà thờ; phần diện tích đất này lớn hơn phần diện tích phía sau chia cho bà L và cháu Vũ thì nếu giá trị tài sản đó lớn hơn ông C sẽ trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà L

và cháu Vũ theo điều kiện mà ông C có.

Ông C không đồng ý chia cho bà L phần di sản thừa kế được hưởng là diện tích đất 118,66m² bóm mặt đường Phan Văn (chia theo chiều dọc của thửa đất) và lấy phần giữa vì chia như vậy sẽ phải phá dỡ ngôi nhà trên đất do ông xây và hiện tại đang làm nơi thờ cúng cụ P và cụ M.

Ông Hoàng Đức C không đồng ý trả lại cho bà L 1/3 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vì ông không phải là người đi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Tuấn V có mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: ông bà nội của anh là cụ Hoàng Đức P (đã chết năm 2017) và cụ Lê Thị M (đã chết năm 2015) có 03 người con là ông Hoàng Đức Phong, sinh năm 1971, ông Hoàng Đức C, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1976. Ông Hoàng Đức Phong có vợ là Phạm Thị Chung, sinh năm 1971 (đã ly hôn năm 1997). Ông Hoàng Đức Phong chỉ có 01 con trai duy nhất là anh Hoàng Tuấn V, ngoài ra ông P1 không nhận con nuôi và không có con riêng.

Anh Hoàng Tuấn V thừa nhận di sản cụ P và cụ M để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (đã được UBND thành phố Vinh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M). Tài sản 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất có nguồn gốc là do ông C bỏ tiền ra xây vào năm 2005 cho cụ P và cụ M ở. Từ khi cụ P và cụ M chết đến nay thì tài sản này do ông C quản lý, thỉnh thoảng vào ngày rằm, mùng 1, giỗ chạp thì ông C hoặc vợ con ông C về thắp hương chứ không thường xuyên sinh sống ở ngôi nhà này, anh Hoàng Tuấn V thỉnh thoảng nghỉ học cũng về đó ở.

Anh Hoàng Tuấn V cũng trình bày: cụ M và ông P1 chết không để lại di chúc. Ngày 12/5/2017 thì 04 người gồm: cụ P, ông Hoàng Đức C, bà Hoàng Thị L và anh Hoàng Tuấn V đã lập Biên bản họp gia đình thống nhất: chia cho ông C phần đất phía trước có ngôi nhà 02 tầng để ông C thờ cúng; chia cho bà L và anh Vũ mỗi người được diện tích đất là 65m² phía sau. Văn bản này chưa được công chứng, chứng thực và cũng chưa được chính quyền địa phương xác nhận. Sau này, bà L có đồng ý nhượng lại phần di sản của mình cho ông C với giá 500.000.000 đồng, ông C đã giao cho bà L số tiền 110.000.000 đồng, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên các bên không tiến hành thủ tục chuyển nhượng nữa. Đến nay, di sản của ông Phụng và bà Minh chưa được phân chia, các bên cũng chưa thực hiện thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình lập ngày 12/5/2017.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì anh Hoàng

Tuấn V có ý kiến như sau: anh có nguyện vọng các bên thực hiện việc chia di sản thừa kế như thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình lập ngày 12/5/2017, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, do ông C và bà L không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không ai có nguyện vọng tiếp tục thực hiện việc chia di sản thừa kế như thỏa thuận của các bên tại Biên bản họp gia đình lập ngày 12/5/2017 nêu trên nên anh Hoàng Tuấn V đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ P và cụ M để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Tuấn V có nguyện vọng được nhận phần di sản là Quyền sử dụng đất. Ngoài ra anh Vũ không yêu cầu Tòa án phân chia di sản nào khác của cụ P và cụ M.

Anh Hoàng Tuấn V không đồng ý trả lại cho bà L 1/3 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là số tiền 1.000.000 đồng vì anh không phải là người đi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: bà là vợ của ông Hoàng Đức C. Vào khoảng năm 2007, vợ chồng bà có bỏ tiền ra xây dựng căn nhà trên thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M ở. Từ sau khi cụ P và cụ M chết đến nay thì căn nhà trên do vợ chồng bà cùng cháu Vũ quản lý để thờ cúng các cụ; cháu Vũ đi học xa, những lúc nghỉ học cũng về ở tại căn nhà trên. Vợ chồng bà có nhà riêng tại khối 9, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đến nay, các bên có tranh chấp về chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên do không ai có yêu cầu giải quyết phân chia căn nhà trên đất nên bà cũng không có ý kiến gì, không yêu cầu trích công sức đóng góp.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định:

Áp dụng: Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 200, 202, 266, 271, 273 của BLTTDS 2015; Các điều 149, 154, 158, 161, 166, 221, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 642, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật dân sự.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chia cho bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ

số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá 517.450.000 đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 4', 5, 6, 7, 8, 8' (có sơ đồ kèm theo). Bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Chia cho ông Hoàng Đức C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 182,8m² (trong đó có 77m² đất ở và 105,8m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá 3.285.700.000 đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 1, 2, 3, 3', 9', 10 (có sơ đồ kèm theo). Ông Hoàng Đức C được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Chia cho anh Hoàng Tuấn V được quyền sử dụng diện tích 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá trị 619.450.000 đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 3', 4, 4', 8', 9, 9' (có sơ đồ kèm theo). Anh Hoàng Tuấn V được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Buộc ông Hoàng Đức C giao cho bà Hoàng Thị L phần chênh lệch giá trị tài sản được hưởng với số tiền là 956.750.000 đồng (chín trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu số tiền trên.

Buộc ông Hoàng Đức C giao cho anh Hoàng Tuấn V phần chênh lệch giá trị tài sản được hưởng với số tiền là 854.750.000 đồng (Tám trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Anh Hoàng Tuấn V được quyền sở hữu số tiền trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Đức C số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Ông Hoàng Đức C được quyền sở hữu số tiền trên.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Đức C và anh Hoàng Tuấn V mỗi người phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu số tiền trên.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/0/2022, bị đơn là ông Hoàng Đức C kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS - ST ngày 26/9/2022 với lý do: không đồng ý với cách phân chia di sản thừa kế của Tòa án nhân dân thành phố Vinh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

1. Phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo nguyện vọng của bố ông. Nội dung đã được chị Hoàng Thị L và cháu Hoàng Tuấn V thừa nhận trong quá trình giải quyết sơ thẩm.

2. Việc buộc ông phải trích lại số tiền 956.750.000 đồng (Chín trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị L là không hợp lý, với số tiền trên ông không có đủ khả năng để thanh toán cho chị Hoàng Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Đức Cảnh bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu trích cho vợ chồng công sức trong việc bảo quản, tôn tạo di sản để giảm một phần thực hiện nghĩa vụ đối với và Lan và cháu Vũ, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của ông. Nguyên đơn và người liên quan anh Hoàng Tuấn V đề nghị giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết cấp phúc thẩm người đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu định giá lại di sản. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thành lập Hội đồng định giá theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả định giá nguyên đơn và bị đơn đều không đồng ý với kết quả định giá của cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Hoàng Đức C đề nghị thực hiện giá theo Biên bản định giá tại cấp sơ thẩm và bị đơn đồng ý thực theo Biên bản định giá tại bản án sơ thẩm. Do đó, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thống nhất giá trị di sản theo Biên bản định giá ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

I. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

II. Về nội dung:

** Về thủ tục kháng cáo:*

Bị đơn ông Hoàng Đức Có đơn kháng cáo đúng thời hạn, nộp dự phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định.

**Về nội dung kháng cáo:*

- Đối với kháng cáo đề nghị chia di sản theo nguyện vọng của cụ Hoàng Đức P: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận cụ Lê Thị M và ông Hoàng Đức Phong chết không để lại di chúc. Các đương sự cũng thừa nhận vào ngày 12/5/2017. Tuy nhiên các đương sự không ai xuất trình được văn bản này cho Tòa án và đều thống nhất văn bản đó chưa được công chứng, chứng thực và cũng chưa được chính quyền địa phương xác nhận, thừa nhận đến nay thì di sản của cụ P và cụ M chưa được phân chia tức là mặc dù các bên đương sự thừa nhận có văn bản phân chia di sản thừa kế nhưng văn bản đó chưa có giá trị pháp lý, chưa được cấp giấy CNQSDĐ, chưa phân chia thực hiện trên thực tế và nguyên đơn, người liên quan yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ P và cụ M theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 642 của BLDS, áp dụng các quy định về thừa kế theo pháp luật để giải quyết phân chia là đúng. Ông C kháng cáo nhưng không đưa ra được các căn cứ, không thỏa thuận được với chị Lan anh Vũ để chia di sản theo nguyện vọng của cụ P nên không có căn cứ xem xét.

- Đối với kháng cáo không đồng ý với số tiền ông C phải trích trả lại cho chị Lan là quá cao: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đề nghị áp dụng mức giá như ở hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã xác định, người liên quan không có ý kiến khác. Vì vậy, đề nghị hội đồng giữ nguyên mức giá thẩm định như tòa án sơ thẩm đã áp dụng.

Đây là vụ án phân chia di sản thừa kế vì vậy theo quy định Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nội dung Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế, không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông C đề nghị phân chia theo biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế, tòa án cấp sơ thẩm có nhận định đánh giá công sức của vợ chồng ông C nhưng không trích công sức cho vợ chồng ông C trước khi chia di sản thừa kế theo pháp luật là không đúng,

cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà L, anh Vũ đều khai vợ chồng ông C là người thực hiện đóng nghĩa vụ thuế nhà đất, bà L, anh Vũ thừa nhận tài sản trên đất là do vợ chồng ông C xây cho ông Phụng bà Minh ở; ông C, bà L, anh Vũ đều không trực tiếp ở trên thửa đất này; sau khi 2 cụ mất ông C bà Hiền (vợ) là người quản lý trông coi di sản, thấp hương rằm mồng 1 và giỗ chạp.. Bà L, anh Vũ không có yêu cầu cũng như không chứng minh công sức đóng góp của bà L, anh Vũ, bà L khai bà có công phụng dưỡng chăm sóc bố mẹ khi còn sống còn đối với thửa đất bà không có; ông C bà Hiền có nguyện vọng được trích công sức bảo quản, tôn tạo thửa đất. Như vậy ông C, bà Hiền thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nên cần phải trích công sức quản lý trông coi di sản cho vợ chồng ông C khi phân chia di sản thừa kế cụ thể đề nghị hội đồng xét xử trích công sức cho vợ chồng ông C bằng một suất thừa kế nên sau khi trừ phần diện tích đã trích cho vợ chồng ông C thì phần diện tích còn lại sẽ được chia theo quy định của pháp luật cho các diện thừa kế.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn và sửa án sơ thẩm, tính công sức quản lý trông coi di sản thừa kế cho vợ chồng ông C, sửa về án phí sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và hàng thừa kế, di sản thừa kế của ông Hoàng Đức P và Lê Thị M, bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất di sản của cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M để lại thừa đất số 116, tờ bản đồ số 43, diện tích 356m² thuộc khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng trị giá thừa đất là 4.422.600.000đ (Bốn tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức Cảnh Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với kháng cáo yêu cầu thực hiện theo nguyện vọng của cụ Hoàng Đức P theo văn bản phân chia di sản của các bên tại Biên bản họp gia đình ngày 12/5/2017. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận cụ Lê Thị M và ông Hoàng Đức Phong chết không để lại di chúc. Các đương sự cũng thừa nhận vào ngày 12/5/2017, các bên gồm cụ Hoàng Đức P, ông Hoàng Đức C, bà Hoàng Thị L và anh Hoàng Tuấn V đã lập văn bản thống nhất: Chia cho ông C ngôi nhà 02 tầng và phần đất gắn liền với ngôi nhà cùng khoảng sân phía trước để làm nơi thờ cúng, chia cho bà L và cháu Vũ mỗi người được diện tích đất là 65m² phía sau. Mặc dù các bên đương sự thừa nhận có văn bản phân chia di sản thừa kế nhưng văn bản đó hiện nay không còn và chưa phân chia thực hiện trên thực tế. Quá trình giải quyết vụ án ông C không xuất trình được Văn bản này. Do đó nguyên đơn, người liên quan yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ P và cụ M theo quy định của pháp luật. Tòa sơ thẩm chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[3.2] Đối với kháng cáo cho rằng buộc ông trích chênh lệch tài sản cho bà Hoàng Thị L số tiền 956.750.000 đồng (Chín trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị L là không hợp lý và kháng cáo bổ sung yêu cầu trích cho vợ chồng ông một phần công sức tôn tạo, bảo quản di sản để giảm bớt số tiền thực hiện nghĩa vụ trên do ông không có đủ khả năng để thanh toán cho chị Hoàng Thị L.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản án sơ thẩm xác định di sản trên của cụ M và cụ P để lại phân chia cho hàng thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ nội dung của Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế, không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án

quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông C đề nghị phân chia theo biên bản thỏa thuận phân chia thừa kế, tòa án cấp sơ thẩm có nhận định đánh giá công sức của vợ chồng ông C nhưng không trích công sức cho vợ chồng ông C trước khi chia di sản thừa kế theo pháp luật là không đúng, cần rút kinh nghiệm. Quá trình giải quyết vụ án bà L, anh Vũ đều thừa nhận trên thửa đất có ngôi nhà 02 tầng do vợ chồng anh Cảnh xây dựng cho cụ M và cụ P ở. Vợ chồng ông C, bà L đều sinh sống nơi khác. Vợ chồng ông C là người thực hiện đóng nghĩa vụ thuế nhà đất, sau khi 2 cụ mất vợ chồng ông C là người quản lý trông coi di sản, thấp hương rằm mùng 1 và giỗ chạp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C bà Hiền có nguyện vọng được trích công sức bảo quản, tôn tạo thửa đất. Như vậy, ông C, bà Hiền thuộc diện được hưởng một phần công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nên cần phải trích công sức quản lý trông coi di sản cho vợ chồng ông C khi phân chia di sản thừa kế bằng một suất thừa kế như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Đức C trích một phần công sức cho vợ chồng ông C trong việc bảo quản và tôn tạo di sản.

Giá trị di sản được cấp sơ thẩm xác định có giá trị 4.422.600.000đ (Bốn tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Căn cứ quá trình bảo quản, tôn tạo của vợ chồng ông C cần trích cho vợ chồng ông C 01 suất thừa kế. Căn cứ giá trị di sản mỗi suất thừa kế có giá trị 1.105.650.000đ (một tỷ một trăm linh năm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Chia cụ thể như sau: Ông Hoàng Đức C và bà Nguyễn Thị Thu H được trích công sức tôn tạo, bảo quản thửa đất trị giá 1.105.650.000đ, mỗi người được hưởng 552.825.000đ.

Ông C, bà L, anh Vũ mỗi người được hưởng giá trị thửa đất 1.105.650.000đ; căn cứ vào hiện trạng thửa đất giao cho ông Hoàng Đức C diện tích đất thừa kế 182,8m² (trong đó đất ở 77m², đất vườn 105,8m²) có giá trị 3.285.700.000đ; giao cho bà Hoàng Thị L quyền sử dụng diện tích đất 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) có giá trị 517.450.000đ; giao cho anh Hoàng Tuấn V được quyền sử dụng diện tích đất 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) có giá trị 619.450.000đ. Căn cứ phần giá trị thửa đất được chia cho các đương sự cần buộc ông Hoàng Đức C có nghĩa vụ trích phần chênh lệch tài sản được hưởng cho bà Hoàng Thị L và anh Hoàng Tuấn V. Cụ thể, buộc ông Hoàng Đức C trích chênh lệch tài sản cho bà Hoàng Thị L số tiền 588.200.000đ (Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm

ngàn đồng) và trích cho anh Hoàng Tuấn V chênh lệch tài sản số tiền 486.200.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

[4]. Về án phí: Kháng cáo của ông Hoàng Đức C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do bản án phúc thẩm có thay đổi nghĩa vụ dân sự nên sửa lại án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí định giá tại cấp phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Đức C phải chịu chi phí định giá theo quy định của pháp luật (đã thực hiện xong).

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng : Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Đức C; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự. Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Chia cho bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá 517.450.000 đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 4', 5, 6, 7, 8, 8' (có sơ đồ kèm theo). Bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Chia cho ông Hoàng Đức C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 182,8m² (trong đó có 77m² đất ở và 105,8m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá 3.285.700.000

đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 1, 2, 3, 3', 9', 10 (có sơ đồ kèm theo). Ông Hoàng Đức C được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Chia cho anh Hoàng Tuấn V được quyền sử dụng diện tích 86,6m² (trong đó có 36,5m² đất ở và 50,1m² đất vườn) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 43 tại khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 794952 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/10/2002 mang tên cụ Hoàng Đức P và cụ Lê Thị M có trị giá trị 619.450.000 đồng. Đất được định vị tứ cận bởi các điểm như sau: 3', 4, 4', 8', 9, 9' (có sơ đồ kèm theo). Anh Hoàng Tuấn V được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Buộc ông Hoàng Đức C giao cho bà Hoàng Thị L phần chênh lệch giá trị tài sản được hưởng với số tiền là 588.200.000đ đồng (Năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng). Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu số tiền trên.

Buộc ông Hoàng Đức C giao cho anh Hoàng Tuấn V phần chênh lệch giá trị tài sản được hưởng với số tiền là 486.200.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Anh Hoàng Tuấn V được quyền sở hữu số tiền trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đức C không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Hoàng Đức C 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0010405 ngày 27/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

Về án phí dân sự: Bà Hoàng Thị L phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự 45.169.500đ (Bốn mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền 19.350.000đ (Mười chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số A A/2020/0000685 ngày 13/7/2021; ông Hoàng Đức C phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự là 61.754.280đ (Sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn hai trăm tám mươi nghìn đồng); anh Hoàng Tuấn V phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự 45.169.500đ (Bốn mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND tp Vinh;
- Chi cục THADS tp Vinh;
- Đường sự;
- Lưu Hsơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh